TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22/4/2022
"V/v ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 về "ly hôn, nuôi con chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Tô Thị Mai T**, sinh năm 2000

HKTT: ấp V, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Khánh L**, sinh năm 1999

Địa chỉ: ấp V, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Tô Thị Mai T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Khánh L tự tìm hiểu nhau, sau đó tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2019. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp nhau về suy nghĩ, tính cách, thường hay cãi nhau. Anh L ham chơi, mê game, không phụ giúp gia đình, không quan tâm, chăm sóc vợ con, mỗi lần nhắc nhở thì anh L nổi nóng, có khi còn đánh chị. Chị và anh L cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, gia đình hai bên khuyên nhủ anh L cũng không được, anh chị không thể cùng nhau xây dựng gia đình, chị đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 4/2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 01 người con chung là Trần Hiếu T1, sinh ngày 15/02/2019, chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh L không có tài sản chung và nợ chung, không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Khánh L trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp nhau về suy nghĩ, tính cách, thường hay cãi nhau, không thể cùng nhau xây dựng gia đình. Anh đồng ý ly hôn với chị T, đồng ý giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị T không có tài sản chung và nợ chung, không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì không có điều kiện đến Tòa án để giải quyết vụ án nên anh xin được vắng mặt.

Kiểm sát viên có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị T, giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng,

anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị T, bị đơn anh L đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị T và anh L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2019 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Nguyên nhân dẫn đến ly hôn, chị T cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp nhau về suy nghĩ, tính cách, thường hay cãi nhau. Anh L ham chơi, mê game, không phụ giúp gia đình, không quan tâm, chăm sóc vợ con, mỗi lần nhắc nhở thì anh L nổi nóng, có khi còn đánh chị. Còn anh L cũng xác định vợ chồng không hòa hợp nhau về suy nghĩ, tính cách, thường hay cãi nhau, không thể cùng nhau xây dựng gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống với nhau chị T và anh L có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng, Hội đồng xét xử có căn cứ để cho rằng hôn nhân giữa anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, anh chị đã sống ly thân thời gian dài nhưng không khắc phục được mâu thuẫn để vợ chồng tiếp tục chung sống nên không có khả năng đoàn tụ. Do đó, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh L.

[4] Về con chung, chị T và anh L có 01 người con chung là Trần Hiếu T1, sinh ngày 15/02/2019, chị T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh chị thống nhất

để con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, chị T có đủ điều kiện nuôi con, đồng thời cũng phù hợp với lợi ích của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận để chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con. Anh L có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Trường hợp chị T vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, anh chị xác định không có tài sản chung và nợ chung, không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí, nguyên đơn chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Tô Thị Mai T được ly hôn với anh Trần Khánh L.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Hiếu T1, sinh ngày 15/02/2019 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh L có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Trường hợp chị T vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị T và anh L đều khai không có, không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí xin ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0005162 ngày 13/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

5. Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh